**NỘI DUNG TỰ HỌC TUẦN 2.3.2020 ĐẾN 7.3.2020**

**MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10**

**Tiết 1:** Trả bài làm văn số 5

(Đây là bài KTTT lần 1, vì thế sau khi HS trở lại học sẽ kiểm tra tập trung và được GV trả bài)

**\*\*\***

**Tiết 2,3 (tuần từ 2.3 đến 7.3.2020) và tiết 1 (tuần 9.3 đến 14.3.2020)**

**Yêu cầu HS chép phần nội dung cần đạt vào tập – nghiên cứu bài kĩ để thi HKII (Đây là nội dung quan trọng)**

**TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ**

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn

Bản diễn Nôm: Đoàn Thị Điểm

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Về kiến thức:**

Giúp HS:

- Hiểu được nỗi đau khổ của người chinh phụ bắt nguồn từ cảnh cô đơn khi người chinh phu phải ra trận vắng nhà. Qua đó nắm được ý nghĩa đề cao hạnh phúc lứa đôi của tác phẩm.

- Về nghệ thuật, nắm được nghệ thuật miêu tả nội tâm của đoạn trích.

**2. Về kĩ năng:**

- Kĩ năng đọc diễn cảm

- Kĩ năng phân tích tâm lý nhân vật

**3. Về thái độ :**

- Có thái độ nâng niu, trân trọng, đồng cảm, sẻ chia với số phận của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong thời chiến.

- Căm ghét chiến tranh, yêu chuộng hòa bình.

**4. Lời vào bài**

Là con người, ai cũng khiếp sợ chiến tranh, vì chiến tranh gắn liền với máu và nước mắt. Chiến tranh, đặc biệt là những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã tô đậm bản chất anh hùng của con người nhưng đồng thời cũng chứa đựng bao đau thương và bất hạnh. Vào thời chiến, người chồng ra chiến trường, để lại người phụ nữ ở quê nhà trông ngóng, chờ đợi, đau đớn, giằng xé trong vô vọng. Đến với “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” để thấu hiểu nỗi lòng của người chinh phụ khi phải xa chồng.

**B. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả và dịch giả**

**a. Tác giả**

- Đặng Trần Côn (?) người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

- Ông sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ thứ XVIII. Bản thân ông là một người hiếu học, tài hoa.

- Về sáng tác: ngoài tác phẩm chính “Chinh phụ ngâm”, ông còn làm thơ và phú bằng chữ Hán.

**b. Dịch giả**

\* Đoàn Thị Điểm

- Hiệu: Hồng hà nữ sĩ

- Quê: xứ Kinh Bắc

- Xuất thân trong một gia đình nho sĩ, nổi tiếng thông minh từ nhỏ.

- Chồng bà là tiến sĩ Nguyễn Kiều, vừa cưới xong đã phải đi sứ sang Trung Quốc. Có thể trong khoảng thời gian này bà đã dịch “Chinh phụ ngâm”.

- Ngoài bản dịch “Chinh phụ ngâm” còn có tác phẩm “Truyền kỳ tân phả” và nhiều thơ phú khác.

\* Phan Huy Ích

- Tự là Dụ Am, là người thuộc trấn Nghệ An sau dời đến Hà Tây. Ông đỗ tiến sĩ năm 26 tuổi.

- Về sáng tác còn có tác phẩm: Dụ Am Văn tập, Dụ Am ngâm lục.

**2. Tác phẩm**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**

Đầu đời Lê Hiển Tông, có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành Thăng Long. Triều đình cất quân đi đánh dẹp, nhiều trai tráng phải từ giã người thân ra chiến trận. Đặng Trần Côn cảm động trước nỗi khổ đau mất mát của con người, nhất là những người vợ lính trong chiến tranh, đã viết “Chinh phụ ngâm”.

**b. Thể loại**

- Nguyên tác: viết bằng chữ Hán theo thể ngâm khúc, khúc ngâm này gồm có 476 câu thơ làm theo thể trường đoản cú

- Bản diễn Nôm: thể song thất lục bát, gồm 412 câu.

**c. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

\* Giá trị nội dung:

Tác phẩm thể hiện tâm trạng khao khát tình yêu hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ, lên tiếng oán ghét chiến tranh phi nghĩa trong xã hội phong kiến suy tàn.

\* Giá trị về nghệ thuật:

- Bút pháp ước lệ, tượng trưng.

- Bút pháp miêu tả nội tâm sâu sắc.

**3. Vị trí đoạn trích và bố cục**

**a) Vị trí:** Đoạn trích từ câu: 193 – 216

**b) Bố cục gồm 2 phần:**

+ Đoạn 1 (16 câu đầu): Nỗi cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ.

+ Đoạn 2 (8 câu cuối): Niềm nhớ thương người chồng ở phương xa.

**II. Đọc – hiểu văn bản**

**1) 16 câu đầu: Nỗi cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ.**

**a) Bốn câu thơ đầu: Nội tâm của người chinh phụ qua hành động.**

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,*

*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.*

*Ngoài rèm thước chẳng mách tin,*

*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng.”*

- Hành động: đi qua đi lại ngoài hiên vắng; buông rèm, cuốn rèm lên nhiều lần 🡪 Hành động lặp đi lặp lại nhiều lần, không mục đích, thể hiện sự tù túng, bế tắc của người chinh phụ.

- Tâm trạng: mong chờ tiếng chim thước, nhưng “thước chẳng mách tin”🡪 Người chinh phụ mòn mỏi chờ đợi người chinh phu trở về trong vô vọng.

- Biện pháp nghệ thuật:

+ Đối xứng “ngòai rèm”, “trong rèm”

+ Câu hỏi tu từ “Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?”

🡪Sự thất vọng, buồn bã, nỗi khắc khoải chờ đợi và hy vọng trong lòng nàng day dứt mãi không yên.

**b) 4 câu thơ tiếp theo: tâm trạng cô đơn, sầu muộn của người chinh phụ được thể hiện qua ngoại hình.**

*“ Đèn có biết dường bằng chẳng biết,*

*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.*

*Buồn rầu nói chẳng nên lời,*

*Hoa đèn kia với bóng người khá thương”*

-“ Đèn có biết dường bằng chẳng biết”: trả lời cho câu hỏi tu từ phía trên🡪sự cô đơn, nỗi lòng không biết san sẻ cùng ai của người chinh phụ.

- Tính từ: “bi thiết”, “buồn rầu”🡪 Vẻ buồn đau xen lẫn, không nói nên lời. Thể hiện tâm trạng sầu muộn, đau khổ của người chinh phụ.

- Hình ảnh “Hoa đèn”, “bóng người khá thương”

+ “Hoa đèn”: người chinh phụ thức suốt cả đêm dài.

+ “Bóng người khá thương”: ở đây đó chính là bóng của người chinh phụ 🡪 Người chinh phụ cô đơn, đối diện với chính mình.

🡪 Gợi tả tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ. Nàng đối diện với ngọn đèn, với chiếc bóng của mình. Ngọn đèn vô tri, vô giác là người bạn duy nhất của nàng.

**c) 4 câu thơ tiếp theo: miêu tả ngoại cảnh để khắc khắc họa tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.**

*“Gà eo óc gáy sương năm trống,*

*Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.*

*Khắc giờ đằng đẵng như niên,*

*Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa”*

-Thời gian thay đổi, kéo dài từ ngày sang đêm. Hình ảnh người chinh phụ buồn rầu ngồi lặng lẽ trong đêm thật buồn thương.

- Thời gian được thể hiện qua cụm từ “năm trống”🡪Đêm khuya tĩnh mịnh.

- “Gà eo óc”:

+ Tiếng “gà eo óc”: tiếng gà gáy nhỏ, từ xa vọng lại🡪 Lấy động để tả tĩnh

+ Từ láy “eo óc”: đêm khuya tĩnh mịch, thể hiện dáng hình chờ đợi vò võ của người chinh phụ.

- Hình ảnh cây hòe:

+ Từ láy “phất phơ”: cành lá chuyển động nhẹ, rời rạc.

+ Hình dáng “rủ bóng bốn bên”: như không còn sức sống.

🡪 Buồn bã, gợi không gian đêm hoang vắng🡪Cảnh khiến lòng người thêm sầu não.

- Hình ảnh so sánh “khắc giờ” như “niên”: một giờ chờ đợi dài như một năm🡪Thời gian càng trôi đi thì mối sầu của nàng càng tăng lên.

- Các từ láy: “dằng dặc”, “đằng đẵng” có tác dụng diễn tả sự lê thê, kéo dài của thời gian🡪 Khắc họa nỗi nhớ nhung của người chinh phụ. Người chinh phụ tiếp tục đợi chờ đến khắc khoải, thức trắng đêm.

🡪Không gian và thời gian đêm được tác giả miêu tả khá kĩ, nhuốm màu sắc tâm trạng của người chinh phụ. Từ âm thanh đến cảnh vật đều gợi buồn. Người chinh phụ cô đơn trong đêm khuya, cảm thận thời gian trôi qua thật chậm chạp.

**d) 4 câu tiếp theo: hành động diễn ra trong phòng của người chinh phụ**

*“Hương gượng đốt hồn đà mê mải,*

*Gương gượng soi lệ lại châu chan.*

*Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,*

*Dây uyên kinh đứt phím loan ngại ngùng”*

-Điệp từ “gượng”: diễn tả sự miễn cưỡng, chán chường của người chinh phụ khi đốt hương , soi gương🡪Người chinh phụ cố ép mình vào một việc gì đó để khuây khỏa, nhưng càng lúc càng xót xa, đau khổ.

- Tâm tư, tình cảm luôn hướng đến chồng:

+ Người chinh phụ đốt hương để cầu bình an cho chồng, tìm sự thanh thản song tâm hồn lại như thêm miên man🡪Sự trông ngóng, đau khổ.

+ Soi gương để trang điểm song nhìn thấy khuôn mặt mình thì chinh phụ lại ứa nước mắt.

+ Mang đàn ra gảy nhưng sợ đàn đứt dây, dây đàn chùng.

-Hai tính từ “kinh”, “ngại” trong một câu thơ như cơn sóng lòng dữ dội trong tâm hồn người chinh phụ: lo sợ cho hạnh phúc lứa đôi.

🡪 Cô đơn nhưng không thôi khát khao hạnh phúc lứa đôi và càng ước mong thì lòng nàng càng cô đơn, sầu muộn.”

**2) 8 câu cuối: Niềm nhớ thương người chồng ở phương xa.**

**a) 4 câu tiếp theo: ước muốn của người chinh phụ**

*“Lòng này gửi gió Đông có tiện,*

*Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.*

*Non Yên dù chẳng tới miền,*

*Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời”*

Hình ảnh “gió Đông”, “non Yên” là những hình ảnh mang tính chất ước lệ nhằm nói lên ước muốn và khắc sâu tâm trạng của người chinh phụ.

- Ước muốn: gửi nỗi nhớ chồng theo ngọn gió mùa xuân đến biên ải xa xôi – nơi người chồng đang chinh chiến.

- Tâm trạng: Khao khát được gặp chồng dể thỏa nỗi nhớ mong nhưng nàng nhận ra non Yên xa xôi, gió không thể mang nỗi lòng nàng đến đây🡪Hy vọng rồi lại thất vọng.

- Nỗi nhớ chồng được so sánh với “đường lên bằng trời”, từ láy “thăm thẳm” diễn tả sự vô tận, vô cùng của nỗi nhớ. Nhớ nhiều, không thể diễn tả hết.

**b) 4 câu thơ cuối: tả thiên nhiên để nói lên tâm trạng của người chinh phụ.**

*“Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.*

*Cảnh buồn người thiết tha lòng,*

*Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun”*

-Tác giả đặt người chinh phụ vào không gian có tầm vóc vũ trụ với các hình ảnh núi non, trời đất gợi sự xa xôi.

- Từ láy “Đau đáu”: Chiều sâu của nỗi nhớ: nỗi nhớ sâu đậm cứ chà đi sát lại trở thành nỗi đau

- Nàng oán trách trời “xa vời khôn thấu” không thấu hiểu cảnh ngộ của nàng🡪 Sự chán ghét chiến tranh phi nghĩa.

- Hai câu: “Cảnh buồn người thiết tha lòng

Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun”

-Biện pháp tả cảnh ngụ tình: lấy thê lương của cảnh 🡪 Cô đơn, buồn nhớ của người.

- Đảo ngữ “thiết tha lòng”🡪 Nổi bật tâm trạng: trong nỗi nhớ có cả sự chờ đợi mòn mỏi , sự lo lắng, nỗi đau đớn, sầu muộn đan xen.

**III. Tổng kết.**

**1. Nội dung**

Đoạn trích miêu tả cung bậc và sắc thái khác nhau về nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

**2. Nghệ thuật**

- Miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc

- Thể thơ dân tộc được tác giả sử dụng thuần thục, nhuần nhuyễn.

**Tiết 4 tuần 2.3 đến 7.3.2020 và tiết 4 tuần 9.3 đến 14.3.2020**

TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN PHÂN TÍCH, BÌNH LUẬN:

**TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ**

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn

Bản diễn Nôm: Đoàn Thị Điểm

Yêu cầu: HS in ra để tham khảo, học hỏi cách viết:

Bài tham khảo:

**TÁC PHẨM “CHINH PHỤ NGÂM”**

TÁC PHẨM “CHINH PHỤ NGÂM” – Văn học 10

 Chinh phụ ngâm được viết bằng chữ Hán, do tác giả Đặng Trần Côn sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Đây là thời kì vô cùng rối ren của xã hội phong kiến. Chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê-Mạc đánh nhau đến Trịnh-Nguyễn phân tranh, đất nước chia làm hai nửa. Ngai vàng của nhà Lê mục ruỗng. Nông dân bất bình nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh loạn li nồi da nấu thịt, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất tàn bạo, phản động của giai cấp thống trị và nỗi đau khổ của những nạn nhân trong chế độ thối nát ấy. Tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Nhiều bản dịch xuất hiện, trong đó bản dịch sang chữ Nôm của bà Đoàn Thị Điểm được coi là hoàn hảo hơn cả, thể hiện thành công lẫn trị nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

  Nội dung Chinh phụ ngâm phản ánh thái độ oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là đề cao quyền sống cùng khao khát tình yêu và hạnh phúc lứa đôi của con người. Đó là điều ít được nhắc đến trong thơ văn trước đây.

  Người chinh phụ vốn dòng dõi trâm anh. Nàng tiễn chồng ra trận với mong muốn người chồng sẽ lập được công danh và trở về cùng với vinh hoa, phú quý. Nhưng ngay sau buổi tiễn đưa, nàng sống trong tình cảnh lẻ loi, ngày đêm xót xa lo lắng cho chồng. Thấm thìa nỗi cô đơn, nàng nhận ra tuổi xuân của mình đang qua đi và cảnh lứa đôi đoàn tụ hạnh phúc ngày càng xa vời. Người chinh phụ rơi vào tâm trạng cô đơn đến cùng cực. Khúc ngâm thể hiện rất rõ tâm trạng cô đơn ấy.

Đoạn trích tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (từ câu 193 đến câu 228) miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của nỗi cô đơn, buồn khộ ở người chinh phụ đang khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

  Đoạn trích có thể chia làm ba đoạn nhỏ:

 –    Đoạn 1 : Từ Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước… đến Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng: Nỗi cô đơn của người chinh phụ trong cảnh lẻ loi; cảm giác về thời gian chờ đợi; cố tìm cách giải khuây nhưng không được.

–    Đoạn 2: Từ Lòng này gùi gió đông có tiện… đốn Sâu tường kêu vắng chuông chùa nện khơi: Nỗi nhớ thương người chồng ở phương xa; cảnh vật khiến lòng nàng thêm sầu thảm.

 –    Đoạn 3: Từ Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc… đến Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!. Cảnh vật xung quanh khiến lòng người chinh phụ rạo rực niềm khát khao hạnh phúc.

Sau buổi tiễn đưa, người chinh phụ trở về, tưởng tượng ra cảnh chiến trường đầy hiểm nguy, chết chóc mà xót xa, lo lắng cho chồng. Một lần nữa nàng tự hỏi vì sao đôi lứa uyên ương lại phải chia lìa? Vì sao mình lại rơi vào tình cảnh lẻ loi? Bấy nhiêu câu hỏi đều không có câu trả lời. Tâm trạng băn khoăn, day dứt ấy được tác giả thể hiện sinh động bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế. Có thể nói, sầu và nhớ là cảm xúc chủ đạo trong đoạn thơ này.

  Trong mười sáu câu thơ đầu, tác giả tập trung miêu tả hành động và tâm trạng của người chinh phụ:

 Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước   
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.  
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,  
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng ?  
Đèn có biết dường bằng chẳng biết?  
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.  
Buồn rầu nói chẳng nên lời,  
Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

Nàng lặng lẽ Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước trong nỗi cô đơn đang tràn ngập tâm hồn. Nhịp thơ chậm gợi cảm giác như thời gian ngưng đọng.

Giữa không gian tịch mịch, tiếng bước chân như gieo vào lòng người âm thanh lẻ loi, cô độc. Nỗi nhớ nhung sầu muộn và khắc khoải mong chờ khiến bước chân người chinh phụ trở nên nặng trĩu. Nàng bồn chồn đứng ngồi không yên, hết buông rèm xuống rồi lại cuốn rèm lên, sốt ruột mong một tiếng chim thước báo tin vui mà chẳng thấy.

Nàng khát khao có người đồng cảm và chia sẻ tâm tình. Không gian im ắng, chỉ có ngọn đèn đối diện với nàng. Lúc đầu, nàng tưởng như ngọn đèn biết tâm sự của mình, nhưng rồi lại nghĩ: Đèn có biết dường bằng chẳng biết, bởi nó là vật vô tri vô giác. Nhìn ngọn đèn chong suốt năm canh, dầu đã cạn, bấc đã tàn, nàng chợt liên tưởng đến tình cảnh của mình và trong lòng rưng rưng nỗi thương thân tủi phận: Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

  Hình ảnh người chinh phụ thầm gieo từng bước ngoài hiên vắng và suốt năm canh ngồi một mình bên ngọn đèn chong, không biết san sẻ nỗi niềm tâm sự cùng ai đã miêu tả được tâm trạng cô đơn tột độ của người chinh phụ.

Tác giả đặc tả cảm giác cô đơn của người chinh phụ trong tám câu thơ. Đó là cảm giác lúc nào và ở đâu cũng thấy lẻ loi: ban ngày, ban đêm, ngoài phòng, trong phòng. Nỗi cô đơn tràn ngập không gian và kéo dài vô tận theo thời gian luôn deo đẳng, ám ảnh nàng.

  Cảnh vật xung quanh không thể san sẻ mà ngược lại như cộng hưởng với nỗi sầu miên man của người chinh phụ, khiến nàng càng đớn đau, sầu tủi:

Gà eo óc gáy sương năm trống,  
Hòe phất phơ rũ bóng bốn bên.  
Khắc giờ đằng đẵng như niên,  
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

  Tiếng gà gáy báo canh năm làm tăng thêm vẻ tĩnh mịch, vắng lặng. Cây hòe phất phơ rũ bóng trong ánh sáng lờ mờ của ban mai gợi cảm giác buồn bã, hoang vắng. Giữa không gian ấy, người chinh phụ cảm thấy mình nhỏ bé, cô độc biết chừng nào!

  Ở các khổ thơ tiếp theo, nỗi ai oán hiện rõ trong từng chữ, từng câu, dù tác giả không hề nhắc đến hai chữ chiến tranh:

Hương gượng đốt hồn đà mê mải,  
Gương gượng soi lệ lại châu chan.  
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,  
Dày uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

Người chinh phụ cố gắng tìm mọi cách để vượt ra khỏi vòng vây của cảm giác cô đơn đáng sợ nhưng vẫn không sao thoát nổi. Nàng gắng gượng điểm phấn tô son và dạo đàn cho khuây khỏa nhưng càng lún sâu hơn vào sự tuyệt vọng. Chạm đến đâu cũng là chạm vào nỗi đau, chạm vào tình cảnh lẻ loi đơn chiếc, Khi Hương gượng đốt thì hồn nàng lại chìm đắm vào nỗi thấp thỏm lo âu. Lúc Gương gượng soi thì nàng lại không cầm được nước mắt bởi vì nhớ gương này mình cùng chồng đã từng chung bóng, bởi vì phải đối diện với hình ảnh đang tàn phai xuân sắc của mình. Nàng cố gảy khúc đàn loan phượng sum vầy thì lại chạnh lòng vì tình cảnh vợ chồng đang chia lìa đôi ngả, đầy những dự cảm chẳng lành: Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng. Rốt cuộc, người chinh phụ đành ngẩn ngơ trở về với nỗi cô đơn đang chất ngất trong lòng mình vậy.

Sắt cầm, uyên ương, loan phụng là những hình ảnh ước lệ tượng trưng cho tình yêu nam nữ, tình nghĩa vợ chồng. Nay vợ chồng xa cách, tất cả đều trở nên vô nghĩa. Dường như người chinh phụ không dám đụng tới bất cứ thứ gì vì chúng nhắc nhở tới những ngày đoàn tụ hạnh phúc đã qua và linh cảm đến sự chia Ha đôi lứa trong hiện tại. Tâm thế của nàng thật chông chênh, chơi vơi khiến cho cuộc sống trở nên khổ sở, bất an. Mong chờ trong nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, nàng chí còn biết gửi nhớ thương theo cơn gió:

 Lòng này gửi gió đông có tiện ?  
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.  
Non Yên dù chẳng tới miền,  
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

  Sau những day dứt của một trạng thái bế tắc cao độ, người chinh phụ chợt có một ý nghĩ rất nên thơ: nhờ gió xuân gửi lòng mình tới người chồng ở chiến trường xa, đang đối đầu với cái chết để mong kiếm chút tước hầu. Chắc chắn, chàng cũng sống trong tâm trạng nhớ nhung mái ấm gia đình với bóng dáng thân yêu của mẹ già, vợ trẻ, con thơ:

Non Yên dù chẳng tới miền,  
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Không gian xa cách giữa hai đầu nỗi nhớ được tác giả so sánh với hình ảnh vũ trụ vô biên: Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời. Thăm thẳm nỗi nhớ người yêu, thăm thẳm con đường đến chỗ người yêu, thăm thẳm con đường lên trời. Câu thơ hàm súc về mặt ý nghĩa và cô đọng về mặt hình thức. Cách bộc lộ tâm trạng cá nhân trực tiếp như thế này cũng là điều mới mẻ, hiếm thấy trong vắn chương nước ta thời trung đại:

 Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,  
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.

  Hai câu thất ngôn chứa đựng sự tương phản sâu sắc tạo nên cảm giác xót xa, cay đắng. Đất trời thì bao la, bát ngát, không giới hạn, liệu có thấu nỗi sinh li đau đớn đang giày vò ghê gớm cõi lòng người chinh phụ này chăng? Nói như người xưa: trời thì cao, đất thì dày, nỗi niềm uất ức biết kêu ai? biết ngỏ cùng ai? Bởi vậy nên nó càng kết tụ, càng cuộn xoáy, gây nên nỗi đớn đau cho thể xác:

 Cảnh buồn người thiết tha lòng,  
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

Giữa con người và cảnh vật dường như có sự tương đồng khiến cho nỗi sầu thương trở nên da diết, bất tận. Cảnh vật xung quanh người chinh phụ đã chuyển thành tâm cảnh bởi được nhìn qua đôi mắt đẫm lệ buồn thương cho thân phận bất hạnh, cô đơn. Sự giá lạnh của tâm hồn làm tăng thêm sự giá lạnh của cảnh vật. Cũng giọt sương ấy đọng trên cành cây, cũng tiếng trùng ấy rả rích trong đêm mưa gió, nhưng cảnh ấy tình này lại gợi nên bao sóng gió, bao nỗi đoạn trường trong lòng người chinh phụ. Tình cảnh ấy, tâm trạng ấy tự nó đã nối lên bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ không được sống hạnh phúc, đồng thời cũng phản ánh thái độ lên án chiến tranh của tác giả.

  Bầu trời bát ngát không cùng và nỗi nhớ cũng không cùng, nhưng suy tưởng thì có hạn; người chinh phụ lại trỏ về với thực tế cuộc sống nghiệt ngã của mình. Ý thơ chuyển từ tình sang cảnh. Thiên nhiên lạnh lẽo như truyền, như ngấm cái lạnh đáng sợ vào tận tâm hồn người chinh phụ cô đơn:

 Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô.

  Hình như người chinh phụ đã thấm thìa sức tàn phá ghê gớm của thời gian chờ đợi. Tuy nhiên đến câu: Sâu tường kêu vắng chuông chùa nện khơi thì không khí đã dễ chịu hơn, cũng bởi người chinh phụ chí mới thất vọng mà chưa tuyệt vọng.

Tám câu cuối là bức tranh tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất trong Chinh phụ ngâm:

Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,  
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.  
Lá màn lay ngọn gió xuyên,  
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.  
Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm,

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!

  Ý thơ đi từ tinh đến cảnh rồi lại từ cảnh trở về tình, cứ dội qua dội lại như vậy nhằm thể hiện rõ tâm trạng ở đâu, lúc nào, làm gi… người chinh phụ cũng chí vò võ một mình một bóng mà thôi!

Từ thốc rất mạnh trong câu Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên báo hiệu sự chuyển sang một tâm trạng mới ở người chinh phụ. Cảnh hoa – nguyệt giao hòa khiến lòng người rạo rực, khao khát hạnh phúc lứa đôi. Những động từ dãi, lồng toát lên cái ý lứa dôi quấn quýt gần gũi, âu yếm nồng nàn mà vẫn tế nhị, kín đáo.

  Tác giả lựa chọn và dùng từ rất kĩ, rất đắt: Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước, Sương như búa, bổ mòn gốc liễu, Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô, Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên… Đặc biệt, tác giả đã sử dụng thành công hàng loạt từ láy: eo óc, phất phơ, đằng đẵng, dằng dặc, mê mải, châu chan, thăm thẳm, đau đáu… về nhạc điệu, tác giả đã phát huy một cách tài tình nhạc điệu du dương của thể thơ song thất lục bát, giống như những đợt sóng dạt dào, diễn tả tâm trạng người chinh phụ hết nhớ lại thương, hết thương lại nhớ trong tình cảnh lẻ loi đơn chiếc.

  Bằng bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi các cung bậc tình cảm của người chinh phụ. Cảnh cũng như tình được miêu tả rất phù hợp với diễn biến của tâm trạng nhân vật.

  Thông qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình cảnh lẻ loi vì chồng phải tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực của các vua chúa, tác giả đã đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện tinh thần phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa. Tác phẩm Chinh phụ ngâm đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương;một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.

**Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ**

(Trích bản diễn Nôm Chinh phụ ngâm)

**PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn**  
*Viện Văn học*

            Trên thực tế, ngoại trừ giới nghiên cứu chuyên sâu, bạn đọc thường không mấy ai chú ý đến nguyên tác Chinh phụ ngâm bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn - quê làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội) mà chỉ biết tới bản diễn Nôm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705-1748), người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Hưng Yên).   
Tương đồng với Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều trên phương diện khẳng định những giá trị nhân văn và phản ánh số phận người phụ nữ cũng như khả năng vận dụng nhuần nhuyễn thể loại ngâm khúc và thể thơ song thất lục bát, song bản diễn Nôm Chinh phụ ngâm lại có phần giản lược những suy tưởng triết lý cao siêu và hướng nhiều hơn tới cuộc sống đời thường. Tâm tình người chinh phụ tiêu biểu cho nỗi nhớ mong chồng, khát khao cuộc sống gia đình bình dị và ước  mong về một ngày đoàn tụ vợ chồng. Đặt trong tương quan chung, ước mơ của người chinh phụ cũng hiền hoà, dung dị, gần gũi hơn so với người cung nữ. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cho thấy rõ tâm trạng cô đơn của người vợ nhớ chồng ra trận và nghệ thuật miêu tả tâm trạng bậc thầy của hai tác giả Đặng - Đoàn, trong đó phải kể đến nghệ thuật diễn Nôm đặc biệt xuất sắc của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.   
Tâm trạng nổi bật trong đoạn trích gồm 36 câu thơ trong tổng số 408 câu của toàn tác phẩm là sự thể hiện nỗi đơn côi, trống vắng của người chinh phụ. Trước hết đó là sự ý thức về con người cá nhân chiếu ứng trong các quan hệ với cảnh vật và con người, đặt trong tương quan với thời gian và không gian. Nhân vật chủ thể trữ tình - người chinh phụ xuất hiện như có như không, vừa tỉnh thức trong từng bước đi, từng động tác buông thả tấm rèm nhưng liền đó lại quên tất thảy, thờ ơ với tất thảy:   
                            Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,   
                            Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.   
Trong khổ thơ mở đầu (từ câu 1 - 16) có hai hình ảnh quan trọng được tô đậm, nhấn mạnh trở đi trở lại là tấm rèm và bóng đèn. Người chinh phụ "ngồi rèm thưa" mà trông ra ngoài ngóng đợi tin chồng nhưng chẳng thấy đâu. Cuộc sống nơi "trong rèm" chính là sự bó buộc, trói buộc trong một không gian chật hẹp, tù đọng. Câu thơ chuyển tiếp Trong rèm dường đã có đèn biết chăng càng tôn thêm vẻ vắng lặng, đơn côi, một mình chinh phụ đối diện với bóng mình, đối diện với người bạn vô tri vô giác Đèn có biết dường bằng chẳng biết và đi đến kết cuộc Hoa đèn kia với bóng người khá thương... Rõ ràng cuộc đời người chinh phụ hầu như đã mất hết sức sống, con người đã bị "vật hoá" tựa như  tàn đèn cháy đỏ kết lại đầu sợi bấc, con người bây giờ chỉ còn là "bóng người" trống trải, vừa đối xứng vừa đồng dạng và là hiện thân của chính kiếp hoa đèn tàn lụi. Ngay đến cảnh vật và sự sống bên ngoài cũng nhuốm vẻ tang thương, vô cảm, chập chờn bất định, không dễ nắm bắt với những "gà eo óc gáy sương", "hoè phất phơ rủ bóng"... Bên cạnh đó, dòng thời gian tâm lý cũng chuyển hoá thành sự đợi chờ mòn mỏi, thời gian đầy ắp tâm trạng đơn côi nhưng không có sự sống, không sự kiện, không thấy đâu bóng dáng hoạt động của con người:   
                            Khắc chờ đằng đẵng như niên,   
                            Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.   
Trong sự chờ đợi, người chinh phụ thấy một khoảng thời gian ngắn mà dài như cả năm trường, mối sầu trào dâng như biển lớn mênh mang. Những trạng từ "đằng đẵng", "dằng dặc" tạo nên âm điệu buồn thương, ngân xa như tiếng thở dài của người thiếu phụ đăm đắm chờ chồng. Rút cuộc, hình bóng người chinh phụ có xuất hiện trở lại thì trước sau vẫn là nỗi chán chường, buông xuôi, vui gượng "Hương gượng đốt", "Gương gượng soi", "Sắt cầm gượng gảy" mà không sao che đậy nổi một hiện thực bất như ý "hồn đà mê mải", "lệ lại châu chan" và "Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng"...   
Ở đoạn thơ tiếp theo (câu 17 - 28) là sự phản ánh nỗi lòng chinh phụ khi nhớ về người chồng. Có điều, nếu hình ảnh người chồng hiện diện như một ý niệm xa mờ thì bản thân nỗi nhớ mong cũng chỉ như một ảo giác. Sự gặp gỡ là điều không thể bởi tin tức mịt mờ, bởi khoảng cách về không gian, về địa danh có tính phiếm chỉ, biểu tượng của miền "non Yên", "đường lên bằng trời", "xa vời khôn thấu"... Các từ "thăm thẳm", "đau đáu", "thiết tha" gợi nhớ gợi thương, day đi dứt lại trong tâm can người chinh phụ. Sắc thái nỗi nhớ tăng tiến, rộng mở từ những suy tưởng dõi theo người chồng nơi phương xa đến sự dồn nén cảm xúc thành nỗi xót xa, đắng cay nối dài bất tận:   
                            - Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời   
                            - Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong   
Giống như tâm sự Thúy Kiều trong Truyện Kiều: "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?", người chinh phụ có lúc thấy cảnh vật vô hồn, thê lương nhưng có khi lại cảm nhận cả khoảng không gian và cảnh vật như đang hối thúc, giục giã, đổi thay, không tìm thấy đâu sự hô ứng, đồng cảm giữa tình người với thiên nhiên:   
                            Cảnh buồn người thiết tha lòng,   
                            Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.   
                            Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,   
                            Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô.   
Hình ảnh so sánh "sương như búa", "tuyết dường cưa" là sự cực tả những xao động của thế giới bên ngoài thông qua cách hình dung của chinh phụ, khi nàng bất chợt không còn chịu đựng nổi ngay cả vẻ bình dị đời thường và bột phát thành những ám ảnh dị thường. Đó là những tâm trạng khác biệt nhau cùng tồn tại trong một con người, sự phân thân trong cách cảm nhận về thiên nhiên, cuộc sống. Trong bản chất, chính tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ đã tạo nên những xung đột tình cảm khác biệt nhau và phổ vào thế giới tự nhiên tất cả những trái ngang, những thất vọng và cả niềm hy vọng mong manh, những giây lát yên tĩnh nhất thời và những cơn bão lòng dường như không thể nguôi khuây.   
Bước vào đoạn cuối (câu 29 - 36), người chinh phụ vươn tới không gian  thoáng rộng hơn với những hàng hiên, ngọn gió, bóng hoa, ánh trăng nhưng đó cũng chỉ là thiên nhiên lạnh lùng, thiếu hẳn niềm tin và hơi thở ấm áp của sự sống. Cảnh vật như tách khỏi con người và không thấy đâu hoạt động của con người. Tất cả chỉ đơn thuần là cảnh vật và vì thế càng tôn thêm vẻ lạnh lùng, đối lập với tâm tư con người và hình ảnh nhân vật chinh phụ đang khuất lấp, ẩn chìm đâu đó:   
                            Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm,   
                            Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.   
                            Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,   
                            Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu!   
Đến hai câu thơ cuối bắt đầu hé mở tâm trạng so sánh. Người chinh phụ nhìn cảnh hoa nguyệt mà trạnh lòng bâng khuâng xót xa cho thân phận mình, tủi phận mình lẻ loi trước cảnh nguyệt hoa. Từ đây có thể nói tới những dự cảm về ý thức cá nhân của người chinh phụ và xa gần liên hệ tới quyền sống, quyền hưởng niềm vui, hạnh phúc lứa đôi giữa chốn nhân gian.   
Trên phương diện nghệ thuật, thể thơ song thất lục bát với sự kết hợp hai câu thơ bảy chữ kiểu Đường thi hàm súc, trang nhã, đăng đối và câu thơ lục bát truyền thống giàu âm điệu, gợi cảnh gợi tình đã tạo nên nhịp thơ buồn thương man mác, nối dài không dứt. Quan sát kỹ có thể thấy từng bốn câu thơ đi liền nhau tạo thành một tiết đoạn, trong đó hai câu thất ngôn đóng vai trò khơi dẫn ý tứ, hai câu lục bát tiếp theo hướng tới luận bình, khai triển, mở rộng. Cứ như thế, các ý thơ, khổ thơ tiếp tục luân chuyển, nối tiếp nhau như những ngọn sóng cảm xúc đang trào dâng. Ngay trong từng câu thơ cũng xuất hiện những tiểu đối tạo nên tính chất hô ứng, đăng đối, tạo ấn tượng và sự nhấn mạnh:   
                            - Dây uyên kinh đứt/ phím loan ngại chùng   
                            - Cành cây sương đượm/ tiếng trùng mưa phun  
                            - Sâu tường kêu vắng/ chuông chùa nện khơi   
Thêm nữa, tác phẩm diễn Nôm bên cạnh việc giữ lại và Việt hoá được cả hệ thống điển tích và từ Hán Việt (non Yên, sắt cầm, dây uyên, phím loan, gió đông...) thì nhiều ý tứ trong nguyên tác đã được chuyển dịch, nâng cấp thành lời thơ thật sự giàu chất thơ. Chẳng hạn, với câu Sầu tự hải - Khắc như niên (nguyên ý nghĩa chỉ là Sầu tựa biển - Khắc như năm) đã được chuyển dịch thành câu thơ mang sắc thái nội tâm hoá, giàu cảm xúc, khơi gợi âm điệu cảm thương:   
                            Khắc chờ đằng đẵng như niên,   
                            Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.   
Đoạn trích nói về tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cũng như toàn bộ tác phẩm Chinh phụ ngâm là tiếng kêu thương của người phụ nữ chờ chồng, nhớ thương người chồng chinh chiến phương xa. Tình cảnh lẻ loi đó được chiếu ứng trong sự cảm nhận về thời gian đợi chờ đằng đẵng, không gian trống vắng vây bủa bốn bề và cuộc sống hoá thành vô vị, mất hết sinh khí. Trên tất cả là tâm trạng cô đơn và sự ý thức về thảm trạng mất đi niềm tin, đánh mất niềm vui sống và mối liên hệ gắn bó với cuộc đời rộng lớn. Trạng thái tình cảm đó một mặt có ý nghĩa tố cáo những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã đẩy bao nhiêu người trai ra trận và hệ quả tiếp theo là bao nhiêu số phận chinh phụ héo hon tựa cửa chờ chồng, mặt khác xác nhận nhu cầu nói lên tiếng nói tình cảm và sự ý thức về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ ngay giữa cuộc đời trần thế này. Không có gì khác hơn, đó chính là khả năng mở rộng diện đề tài, khai thác sâu sắc hơn thế giới tâm hồn con người, xác định nguồn cảm xúc tươi mới và khẳng định những giá trị nhân văn cao cả mà khúc ngâm đã đem lại, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của giai đoạn văn chương thế kỷ XVIII trong tiến trình phát triển chung của nền văn học dân tộc.

Qua nỗi niềm và tâm trạng cô đơn, tủi hờn của người chinh phụ, tác phẩm đã nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là thể hiện tâm trạng khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi. Bản dịch đã thể hiện tài năng của tác giả và dịch giả trong việc thể hiện những trạng thái tâm lí vô cùng tinh tế và phức tạp của người vợ nhớ chồng.

2. Người chinh phụ vốn dòng dõi trâm anh quyền quý, nàng tiễn chồng ra trận với mong muốn người chồng sẽ lập công danh nơi yên ngựa và trở về trong cảnh vinh hoa. Thấm nỗi cô đơn lẻ loi, nàng nhận ra tuổi xuân của mình đang đi qua và hạnh phúc lứa đôi ngày càng xa vời. Người chinh phụ rơi vào tâm trạng cô đơn cùng cực. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng cô đơn ấy của người chinh phụ. Đoạn trích miêu tả tâm trạng lẻ loi của người chinh phụ trong cảnh chờ chồng.

3. Cách đọc

Đọc kĩ các chú thích trong SGK.

Đây là đoạn trích bản *Chinh phụ ngâm* diễn Nôm, được dịch theo thể song thất lục bát. Cách đọc đoạn trích này tương tự cách đọc bài *Tì bà hành*.

**II - Kiến thức cơ bản**

Đầu đời Cảnh Hưng, chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê – Mạc đánh nhau đến Trịnh – Nguyễn kéo dài cuộc phân tranh, đất nước chia làm hai nửa dưới cái ngai vàng mục ruỗng, rồi khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh nồi da nấu thịt, loạn li chinh chiến, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất thối nát, bộ mặt tàn bạo của chế độ phong kiến và nỗi đau khổ của con người – những nạn nhân của chế độ xã hội ấy. *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm của rất nhiều nho sĩ. Nhiều bản dịch *Chinh phụ ngâm* ra đời, trong đó bản dịch được cho là của Đoàn Thị Điểm là bản dịch thành công hơn cả vì dịch giả đã gặp được ở đó sự đồng cảm sâu sắc.

Hình tượng nổi bật của *Chinh phụ ngâm* là hình tượng người chinh phụ héo mòn trong trông ngóng chờ đợi. Người chinh phụ hiện lên trong khúc ngâm với ước vọng công hầu và khát khao hạnh phúc lứa đôi. Được nuôi dưỡng trong nền giáo dục Nho gia, người phụ nữ quý tộc phong kiến cũng từng mong ước, tự hào về hình ảnh một người chồng dũng mãnh :

*Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt*

*Xếp bút nghiên theo việc đao cung*

*Thành liền mong tiễn bệ rồng*

*Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời*

*Chí làm trai dặm nghìn da ngựa*

*Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao*

Thế nhưng sau những ngày mỏi mòn chờ chồng trong tuyệt vọng, nàng rơi vào tâm trạng cô đơn, tuyệt vọng và cất lời oán trách. Qua tâm trạng của người thiếu phụ, khúc ngâm là tiếng nói oán trách chiến tranh phong kiến đã giày xéo lên hạnh phúc lứa đôi.

*Chinh phụ ngâm* là một tác phẩm trữ tình, từ đầu đến cuối tác phẩm vẫn chỉ là tâm trạng của nhân vật trữ tình – người chinh phụ. Khúc ngâm được phát triển theo mạch tâm trạng và nỗi nhớ nhung của người chinh phụ. Đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi* *của người chinh phụ* đã bao quát được những trạng thái tâm trạng của người chinh phụ. Nội tâm đầy biến động được diễn tả qua những từ ngữ chỉ ngoại hình, tả hành động, tả việc làm của người chinh phụ. Người thiếu phụ trong *Khuê oán* của Vương Xương Linh vẫn vô tư trang điểm má hồng để lên lầu biếc ngắm cảnh xuân, chỉ khi ngắm màu dương liễu mới bừng tỉnh và nhận ra cảnh ngộ cô đơn của mình ; còn người chinh phụ này luôn chìm đắm trong nỗi cô đơn. Sự trông đợi mỏi mòn và vô vọng đã khiến nàng trễ nải cả việc điểm phấn tô son, công việc quan trọng nhất của người phụ nữ nơi gác tía lầu son như nàng :

*Trâm cài xiêm thắt thẹn thùng,*

*Lệch vòng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.*

Nỗi đau buồn của người thiếu phụ trong cảnh đợi chồng đi chiến trận đã khiến nàng mất hết sức lực, như người mộng du trong ngôi nhà của mình :

*Há như ai hồn say bóng lẫn,*

*Bỗng thơ thơ thẩn thẩn như không.*

Sự chờ đợi vô vọng đã khiến nàng tê liệt cả tinh thần. Với việc miêu tả dáng vẻ bề ngoài, tác giả đã lột tả được trạng thái tâm lí phức tạp trong nội tâm của người thiếu phụ. Người thiếu phụ hiện lên với vẻ mệt mỏi và buông xuôi, nỗi cô đơn đã giày vò cả tâm thần và thể xác của người thiếu phụ khiến nàng nhạt phấn phai hương. Nỗi cô đơn bao trùm cả lên không gian và thời gian, ngày và đêm. Trong và ngoài căn phòng đều tràn ngập nỗi cô đơn. Chỉ có người thiếu phụ đối diện ngọn đèn, tình cảnh lẻ loi càng hiện rõ hơn. Cái vẻ lẻ loi tội nghiệp ấy hiện lên thật rõ ràng với hình ảnh :

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*

Giữa cái không gian tĩnh mịch của đêm, tiếng bước chân chậm rãi như gieo vào lòng người cái âm thanh lẻ loi cô độc. Pu-skin trên con đường mùa đông vắng vẻ, cô đơn hơn bởi tiếng lục lạc đơn điệu thì người chinh phụ cô đơn hơn khi nghe tiếng bước chân của mình. Nỗi đau đớn âm thầm nhưng quá lớn ấy khiến nàng khao khát có sự đồng cảm. Nhưng chỉ có ngọn đèn đối diện với nàng mà thôi. Liệu ngọn đèn có thấu hiểu được không hay sức nặng của nỗi cô đơn, của sự nhung nhớ lại dồn cả lên nàng. Ngọn đèn chỉ là vật vô tri vô giác, “có biết dường bằng chẳng biết” :

*Đèn có biết dường bằng chẳng biết,*

*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.*

*Buồn rầu nói chẳng nên lời,*

*Hoa đèn kia với bóng người khá thương.*

Cảnh vật không san sẻ mà cộng hưởng cùng nỗi sầu của người chinh phụ khiến nàng đau càng đau, sầu càng sầu. Nỗi chờ đợi ngày càng vô vọng. Dường như người thiếu phụ thức trắng cả năm canh và bị nỗi nhớ nhung giày vò :

*Gà eo óc gáy sương năm trống,*

*Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.*

Dịch giả đã sử dụng rất hợp lí những từ ngữ thuần Việt với những chữ như “eo óc”, “phất phơ”, những từ ngữ ấy dùng để tả cảnh nhưng đã chuyển tải được nỗi cô độc, buồn sầu của người thiếu phụ. Nó vừa gợi hình ảnh, vừa gợi tâm trạng. Dáng hoè phất qua bên nọ bên kia gợi nên hình ảnh người chinh phụ vật vã trong nhớ nhung giữa đêm khuya lẻ loi. Đếm từng khắc thời gian trôi đi chậm chạp, nhìn xung quanh thì bốn phía chỉ là cây hoè rủ bóng, nàng chìm ngập trong nỗi cô đơn. Khi chờ đợi bao giờ thời gian cũng rất dài. Thuý Kiều trong tâm trạng đợi chờ Kim Trọng :

*Sầu đong càng lắc càng đầy,*

*Ba thu dọn lại một ngày dài ghê !*

Giống như tâm trạng người chinh phụ chờ chồng :

*Khắc giờ đằng đẵng như niên,*

*Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.*

Thời gian cứ dài dằng dặc và không gian thì mênh mông vô tận, người chinh phụ nhỏ bé và đơn độc trước không gian và thời gian. Biết nỗi đợi chờ là vô vọng, nàng đã cố gắng để đưa mình ra khỏi nỗi cô đơn. Gắng gượng điểm phấn tô son, dạo đàn nhưng càng cố gắng vùng vẫy càng lún sâu hơn vào sự tuyệt vọng. Chạm đến đâu cũng là chạm vào nỗi đau, cũng nhìn thấy cảnh lẻ loi đơn chiếc. Soi gương thì nước mắt đầm đìa bởi nàng phải đối diện với gương mặt thanh xuân đang mỏi mòn dần và thì xuân sắc đang phũ phàng trôi qua. Khúc đàn loan phượng thì gợi nhớ cảnh chồng vợ chia lìa.

Nỗi đau đớn, tủi hờn của người chinh phụ thể hiện nỗi khao khát hạnh phúc lứa đôi chân chính. Với nỗi niềm cảm thông sâu sắc, tác giả và dịch giả đã thể hiện rất tinh tế và thành công những trạng thái tâm lí phức tạp của người thiếu phụ, qua đó thể hiện thái độ của mình trước những cuộc chiến tranh, binh biến liên miên dưới chế độ phong kiến thế kỉ XVIII. Tuy tác phẩm không nói rõ tính chất cuộc chiến tranh mà người chinh phu tham gia, song dựa trên những điều kiện lịch sử khi tác phẩm ra đời, có thể nhận thấy, đó không phải là cuộc chiến tranh vệ quốc, mà là cuộc chiến giành giật quyền lực của các tập đoàn phong kiến, những cuộc chiến phi nghĩa.

Dịch *Chinh phụ ngâm,* dịch giả đã chọn thể thơ song thất lục bát, một thể thơ dân tộc có khả năng lớn trong việc thể hiện tâm trạng của nhân vật, nhất là tâm trạng buồn đau, sầu muộn. Dịch giả đã dịch rất thanh thoát nội dung của nguyên tác, thể hiện chân thực nỗi buồn của người thiếu phụ phương Đông, mãnh liệt, da diết nhưng kín đáo. *Chinh phụ ngâm* đã đánh dấu một bước tiến vượt bậc của ngôn ngữ văn học dân tộc. Với tác phẩm này, tiếng Việt đã chứng minh khả năng diễn tả tư tưởng tình cảm một cách sâu sắc, tinh tế. Với tấm lòng thương yêu và sự cảm thông sâu sắc với những khát khao hạnh phúc chính đáng của người thiếu phụ, tác giả và dịch giả cất lên tiếng kêu nhân đạo, tiếng kêu phản đối chiến tranh phi nghĩa. Thái độ phản chiến tuy không bộc lộ trực tiếp song lại rất mạnh mẽ. Chiến tranh đã cướp đi của con người hạnh phúc và tuổi trẻ, thậm chí cả mạng sống. Vì một cuộc chiến, có biết bao người vợ phải xa chồng, phải giam mình trong nỗi cô đơn, buồn tủi như người chinh phụ kia. Có người đón chồng trở về khi tóc đã pha sương, nhưng đó còn là may mắn. Có người đau xót đón tin chồng không trở về sau những ngày mỏi mòn trông đợi.

“Vì ai gây dựng cho nên nỗi này” là lời oán thán nặng nề nhất trong *Chinh phụ ngâm*, lời ai oán không mạnh mẽ nhưng uất ức và oán trách. Đó là một trong những giá trị của *Chinh phụ ngâm.* Nhưng cao hơn cả, tác phẩm là sự tiếp nối xuất sắc cảm hứng nhân đạo của nền văn học dân tộc, một lần nữa, những khao khát hạnh phúc chính đáng của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến lại được ủng hộ. Đề tài về thân phận người phụ nữ lại được góp thêm một tiếng nói mới đầy sức mạnh nhân văn.

**III - Liên hệ**

1. Về bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện có tất thảy bảy bản dịch và phỏng dịch bằng các thể song thất lục bát (bốn bản) và lục bát (ba bản) của các dịch giả : Đoàn Thị Điểm, Phan Huy ích, Bạch Liên Am Nguyễn và hai tác giả khuyết danh, nhưng chưa biết bản dịch nào của ai. Riêng bản dịch thành công nhất và được phổ biến rộng rãi xưa nay, thể song thất lục bát, 412 câu (bản in chữ Nôm cũ hiện còn (1902, AB.26), hoặc 408 câu (một bản khác lưu tại thư viện Pa-ri) có người cho là của Đoàn Thị Điểm, có người cho là của Phan Huy ích.

(Nguyễn Lộc, *Từ điển văn học,* tập I, Sđd)

2. So bản dịch của bà với bản chữ nho thì thấy văn dịch rất sát nghĩa nguyên văn mà lời văn êm đềm, ảo não, rõ ra giọng một người đàn bà buồn bã, nhưng có vẻ thê lương hơn là vẻ đau đớn, không đến nỗi réo rắt, sầu khổ như giọng văn cung oán, thật là lời văn hợp cảnh vậy. Bản dịch viết theo thể “song thất”. Có nhiều đoạn đặt theo lối liên hoàn, những chữ cuối câu trên láy lại làm chữ đầu câu dưới, cứ thế đặt dài tới mấy câu, thật hợp với tình buồn liên miên không dứt của người chinh phụ.

(Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu,* 1950)